

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng

Ngày 30/09/2025	6,190 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	48.4%	76.9%	87.6%

DT thuần Q3/25
113
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 62.2 122%
YoY: ▲ 11.0 10.6%

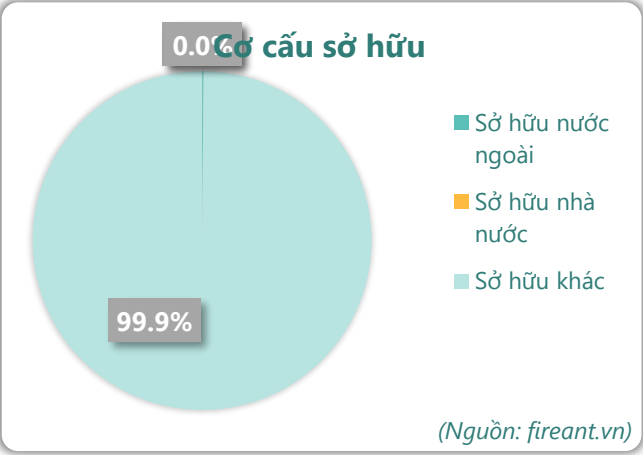
LN thuần Q3/25
1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.79 262%
YoY: ▼1.23 -53.1%

LN sau thuế Q3/25
1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.79 262%
YoY: ▼1.19 -52.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
2.3%
YoY: +/-▼ 2.0%

ROE (TTM) Q3/25
4.7%
YoY: +/-▼ 0.5%

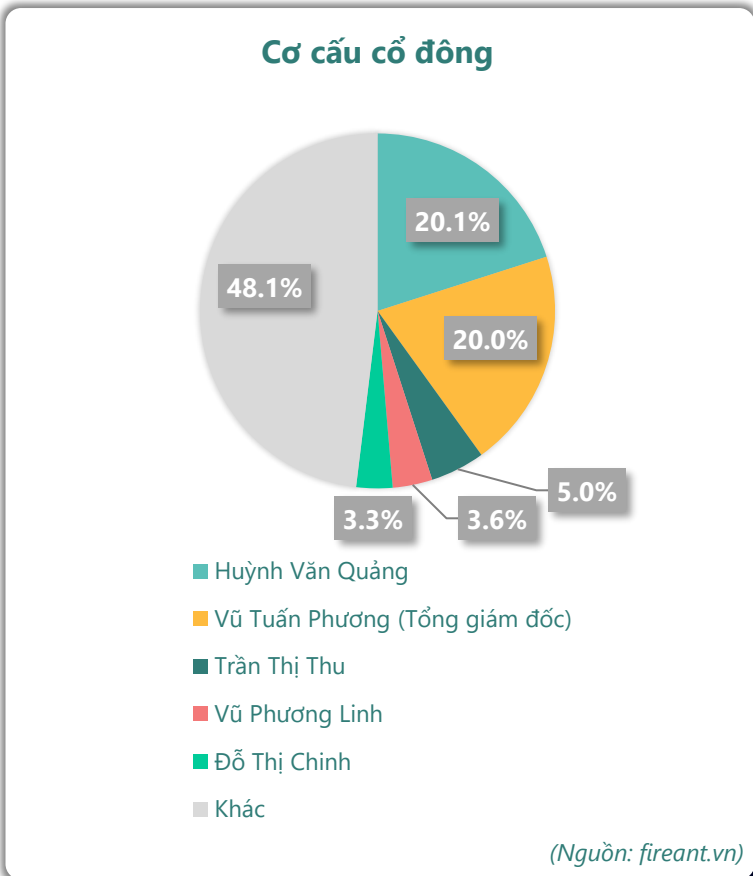
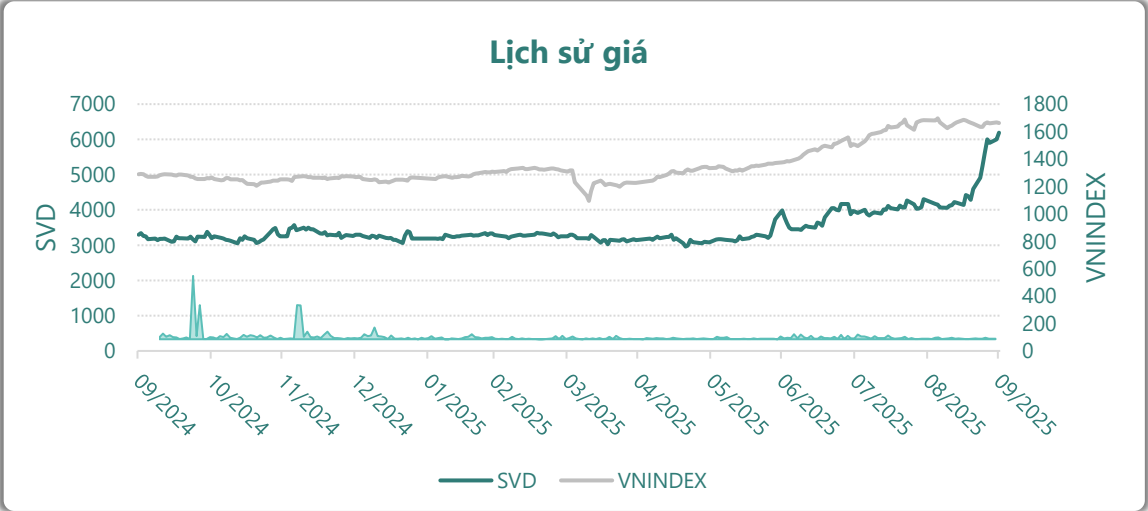
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,960 - 6,190
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	171
Số lượng CPLH (CP)	27,605,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	278,109
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.14
EPS	437
P/E	14.2



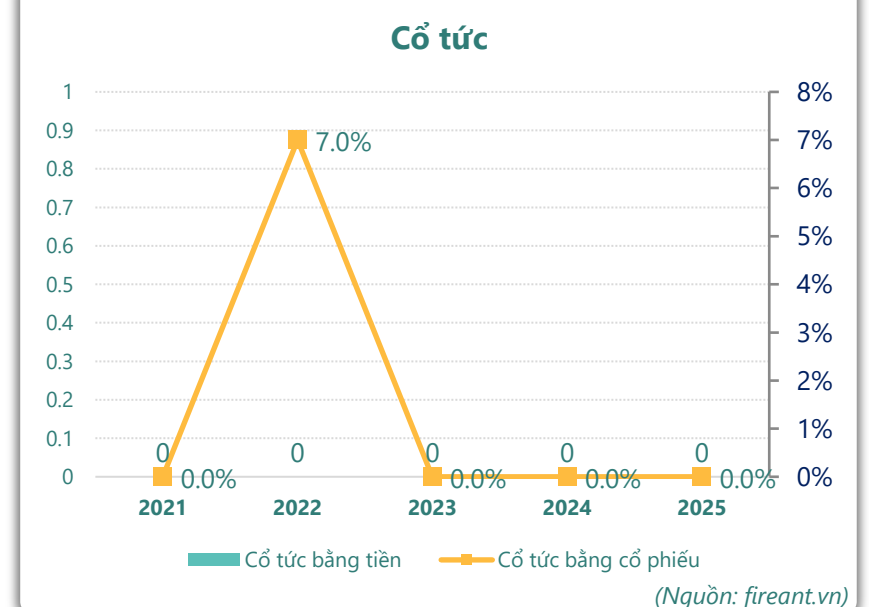
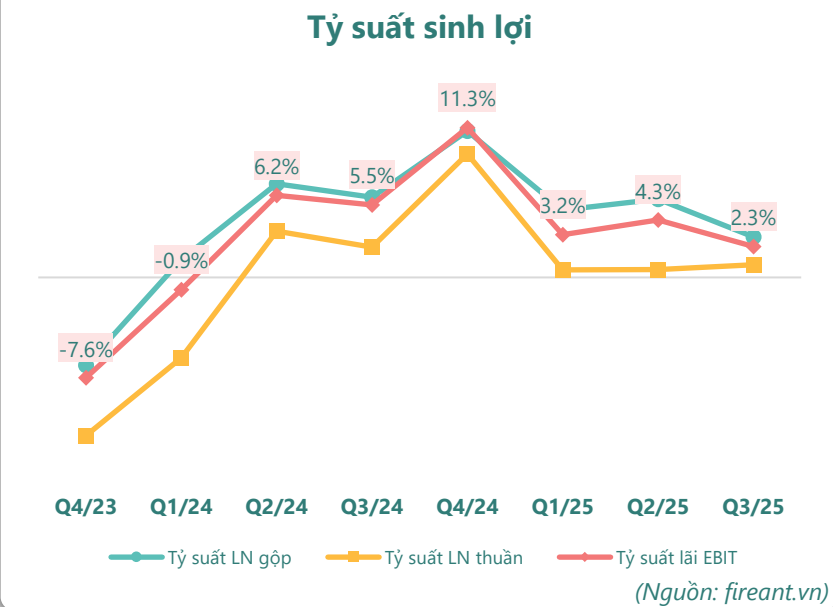
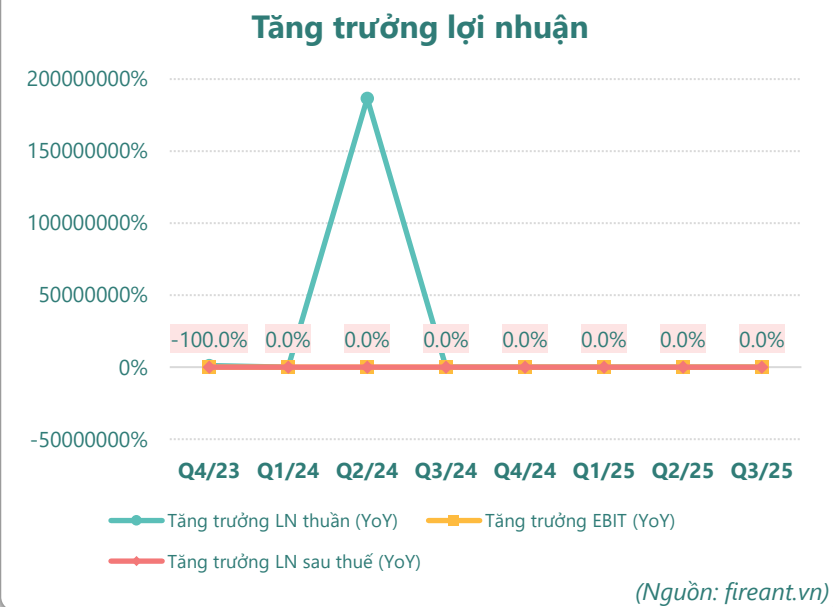
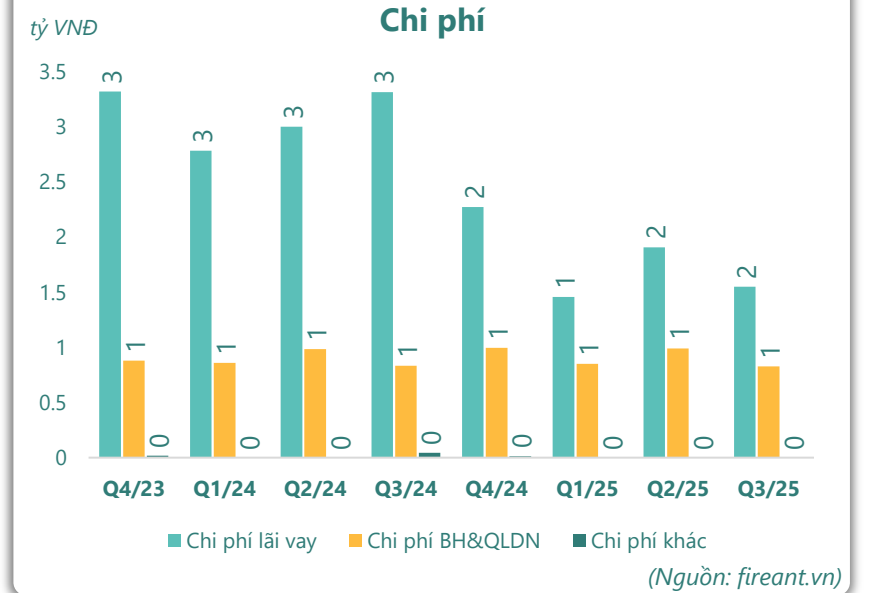
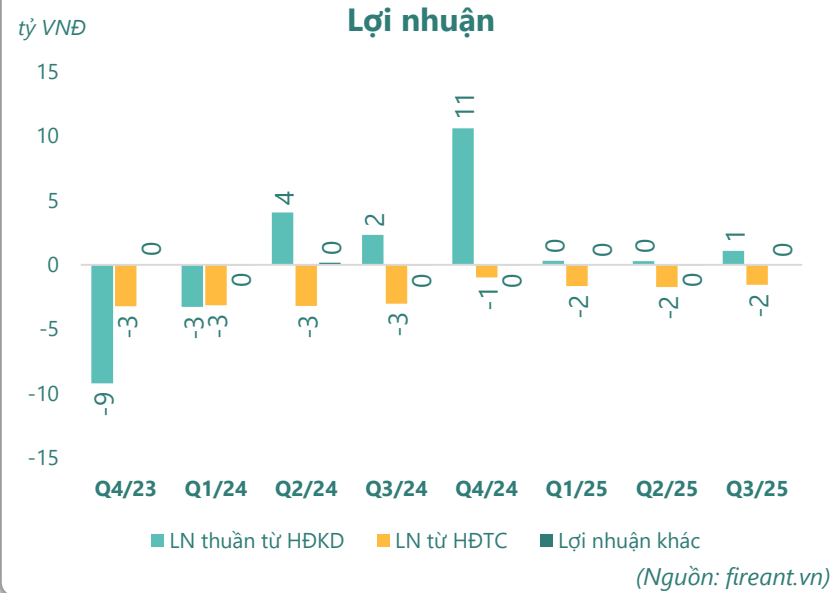
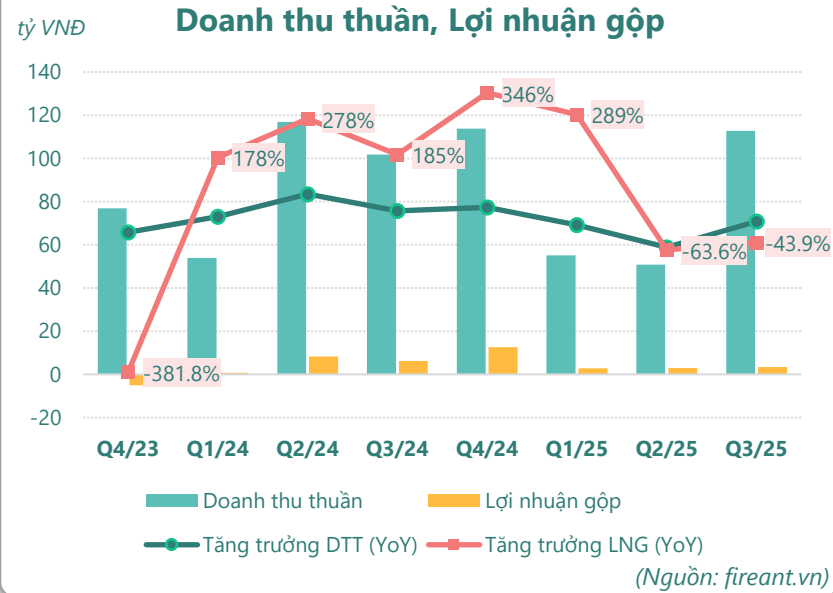
DT thuần 9T 2025
219
tỷ VNĐ
YoY: ▼54.0 -19.8%

LN thuần 9T 2025
1.70
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.42 -45.6%

LN sau thuế 9T 2025
1.71
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.53 -47.3%



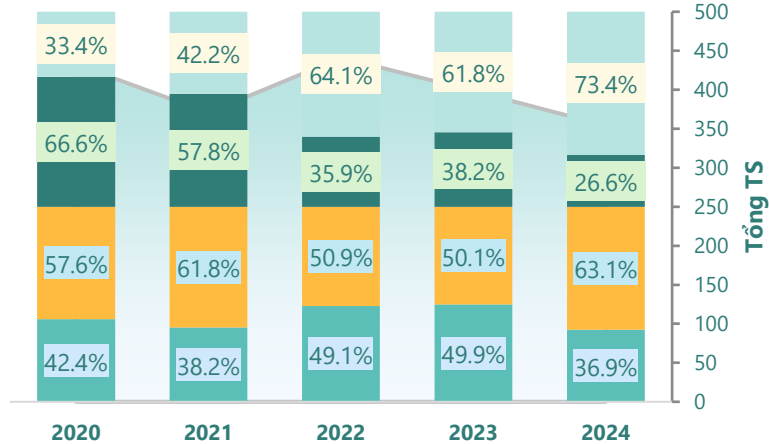
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

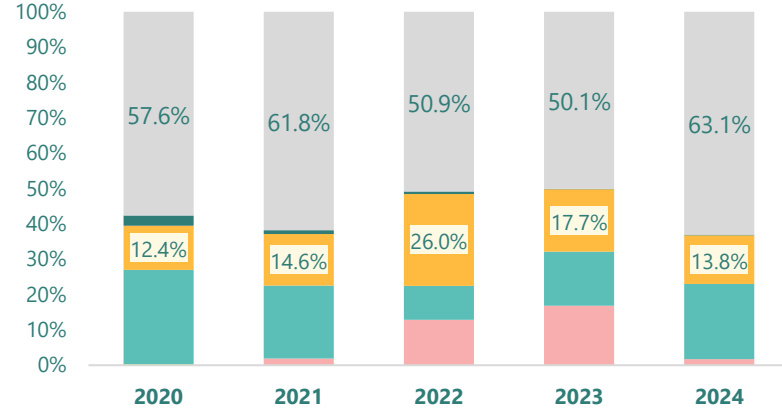
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

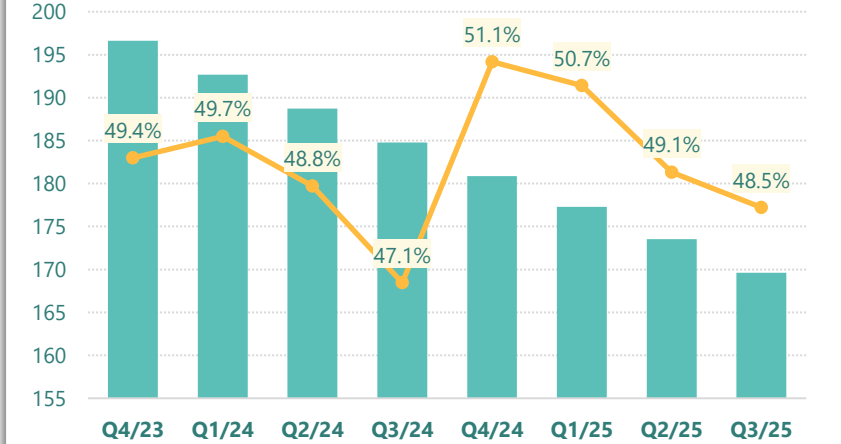
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

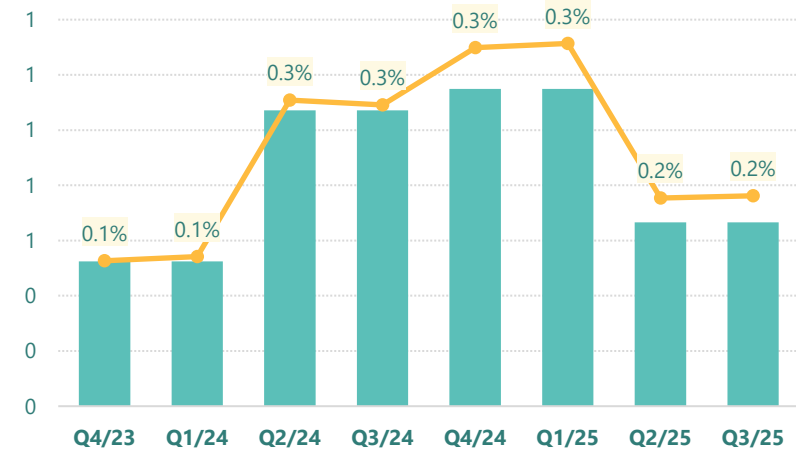
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

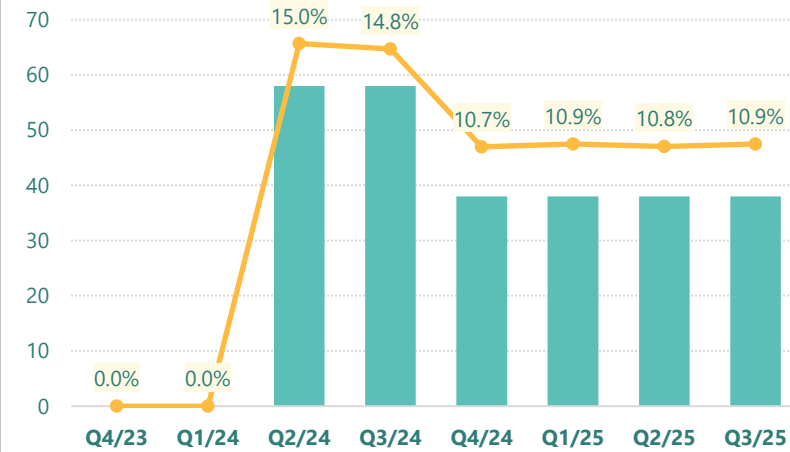
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

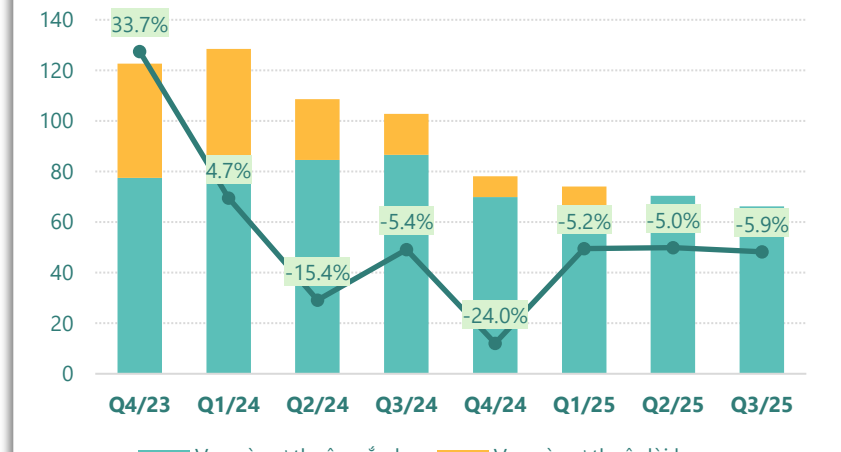
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

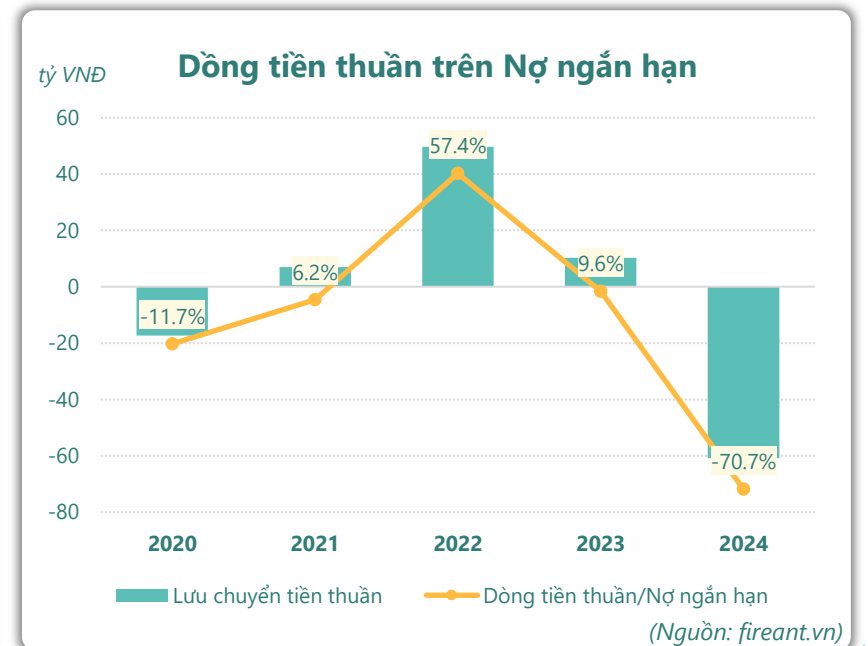
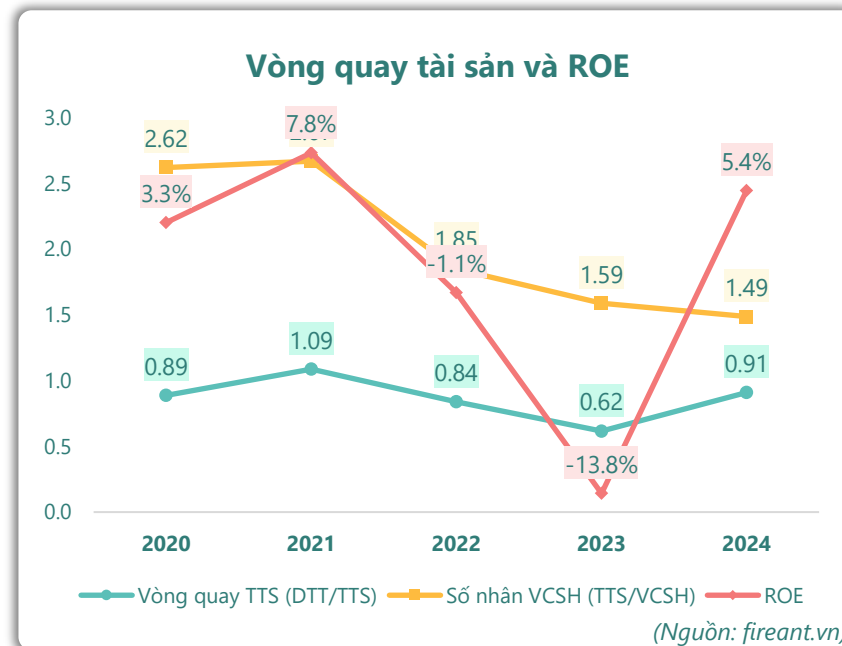
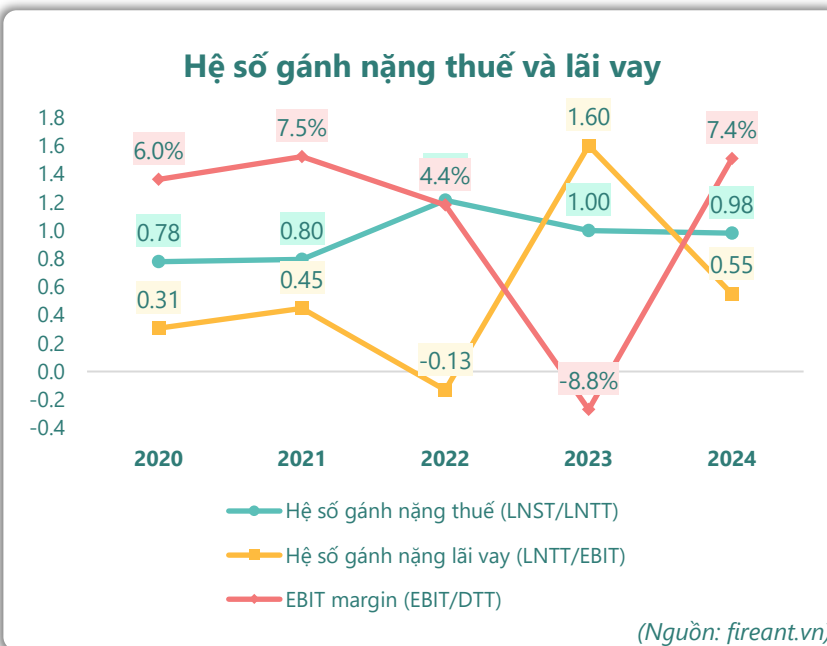
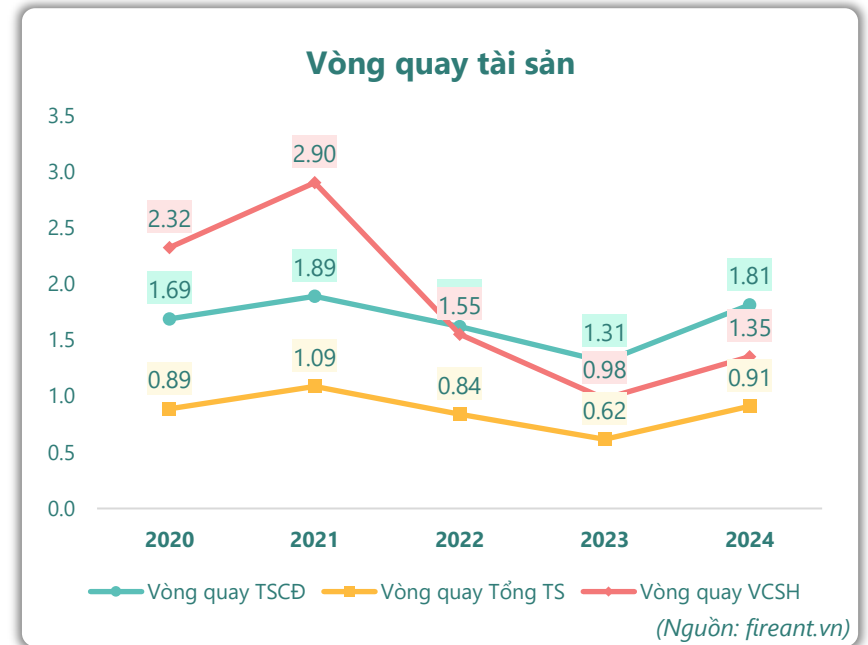
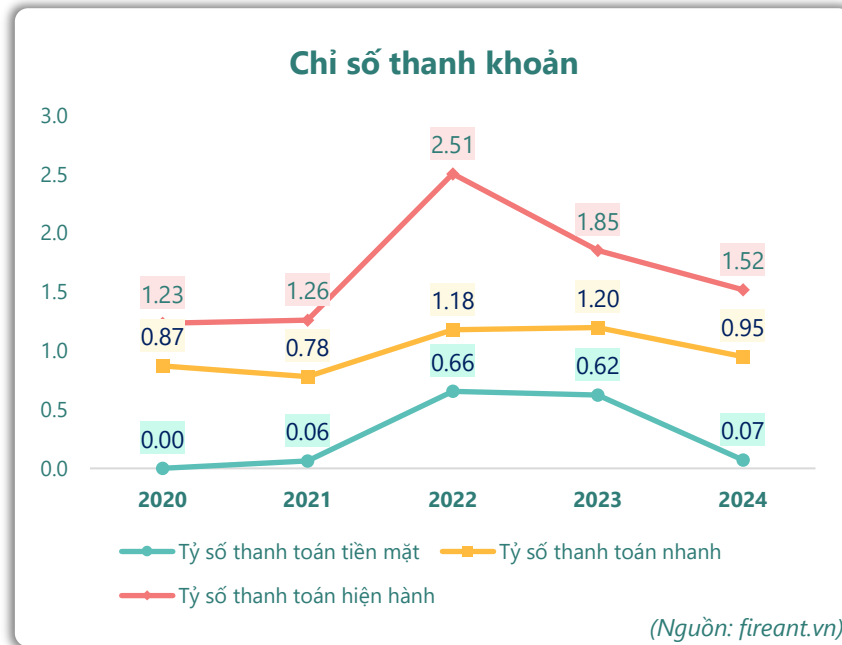
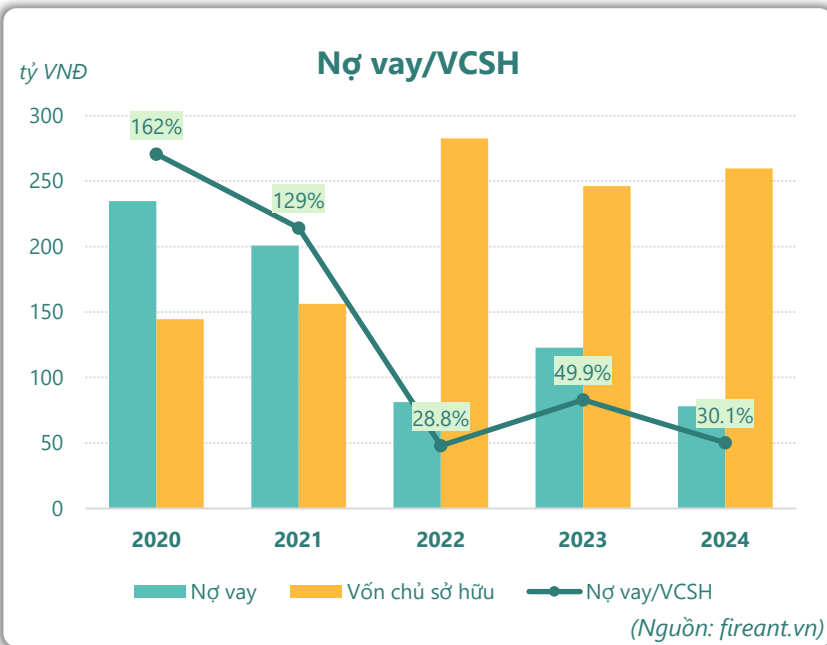
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	113	102	10.6%	219	273	-19.8%
Giá vốn hàng bán	109	95.6	14.4%	209	257	-18.7%
Lợi nhuận gộp	3.46	6.18	-43.9%	9.28	15.2	-38.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.06	-94.6%
Chi phí TC	1.55	3.02	-48.6%	4.92	9.42	-47.8%
Chi phí lãi vay	1.55	3.32	-53.3%	4.92	9.11	-46.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.01	0.01	-35.2%
Chi phí QLDN	0.83	0.83	-0.3%	2.66	2.67	-0.2%
LN thuần từ HĐKD	1.09	2.32	-53.1%	1.70	3.12	-45.6%
Lợi nhuận khác	0	-0.04	100%	0.01	0.12	-90.7%
LN trước thuế	1.09	2.28	-52.3%	1.71	3.24	-47.3%
Lợi nhuận sau thuế	1.09	2.28	-52.3%	1.71	3.24	-47.3%
LNST của CĐ cty mẹ	1.09	2.28	-52.3%	1.71	3.24	-47.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	67.4	6.57	3.46	12.5	-2.63	-2.19
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.5	0.00	21.2	0.01	-0.01	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.9	-5.88	-24.6	-4.10	-3.73	-4.13
Tiền đầu kỳ	16.3	5.36	6.05	6.10	14.5	8.15
Lưu chuyển tiền thuần	-11.0	0.69	0.05	8.42	-6.37	-6.32
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	5.36	6.05	6.10	14.5	8.15	1.83

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	350	354	-1.1%
Tài sản ngắn hạn	139	131	6.4%
Tiền và tương đương tiền	1.83	6.10	-69.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	58.1	75.2	-22.7%
Hàng tồn kho	77.1	48.8	58.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.91	0.53	258%
Tài sản dài hạn	211	223	-5.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	170	181	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.67	1.15	-42.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.0	38.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.80	3.35	-16.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	88.6	94.2	-6.0%
Nợ ngắn hạn	88.6	86.0	3.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.2	69.9	-5.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.55	6.39	-44.5%
Nợ dài hạn	0	8.24	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	8.24	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	261	260	0.7%
Vốn chủ sở hữu	261	260	0.7%
Vốn điều lệ	276	276	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

